

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 16/6/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Các Hội thẩm nhân dân:

- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự.

2. *Bị đơn*: Anh Võ Đại Tây P, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai.

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 17/10/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chi Ngô Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Võ Đại Tây P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 13/3/2003. Sau nhiều năm chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên gây gổ, cãi vã, xúc phạm nhau. Anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên không chăm lo cuộc sống gia đình, vợ chồng không hạnh phúc. Gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Từ năm 2015 cho đến nay hai người sống ly thân, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị Ngô Thị L trình bày vợ chồng có 04 người con chung, Võ Thị Mai H, sinh ngày 18/02/2004; Võ Thị Hương M, sinh ngày 09/9/2005; Võ Đại Minh T, sinh ngày 10/11/2008; Võ Đại Minh T, sinh ngày 14/01/2015. Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mai H và cháu Minh T; yêu cầu Tòa án giao cháu Hương M và cháu Minh T cho anh Võ Đại Tây P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh của 04 người con chung, bản sao sổ hộ khẩu gia đình, bản sao chứng minh nhân dân chị L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Võ Đại Tây P gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng nói trên nhưng anh P không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đều vắng mặt tại các phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 08/5/2020, ông Võ Đại T bố ruột của anh Võ Đại Tây P cho biết gia đình đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án và đã giao lại cho anh Phú, đồng thời cho biết vợ chồng chị Ngô Thị L, anh Võ Đại Tây P xảy ra mâu thuẫn nhiều năm nay, gia đình đã hòa giải nhưng không khắc phục được, hiện hai người đã sống ly thân từ năm 2015. Anh Phú và cháu Võ Thị Hương M, Võ Đại Minh T sống chung cùng với gia đình ông tại xã L. Anh P cũng có nguyện vọng ly hôn nhưng vì bận công việc làm ăn nên không đến Tòa án được, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 28/5/2020, anh P vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập anh P nhưng anh Phú tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn nhiều lần vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là hợp lệ nhưng bị đơn cố tình vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và hai lần vắng mặt tại phiên tòa. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Võ Đại Tây P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 13/3/2003. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh P là hợp pháp. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh P đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Loan.

[2.2] Về việc nuôi con chung:

Xét yêu cầu nuôi con của chị L thấy rằng: Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu Võ Thị Mai H, sinh ngày 18/02/2004; Võ Đại Minh T, sinh ngày 14/01/2015 ở với chị L. Cháu Võ Thị Hương M, sinh ngày 09/9/2005, Võ Đại Minh T, sinh ngày 10/11/2008 ở với anh Võ Đại Tây P cùng với gia đình ông Võ Đại T. Cháu Mai H có nguyện vọng được ở với chị L; cháu Hương M và cháu Minh T đều có nguyện vọng được ở với anh P. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị L về việc nuôi con sau khi ly hôn để đảm bảo ổn định cuộc sống của các cháu. Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; giao cháu Võ Thị Mai H, Võ Đại Minh T cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Võ Thị Hương M, Võ Đại Minh T cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ngô Thị L không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Thị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị L. Chị Ngô Thị L được ly hôn anh Võ Đại Tây P.

2. Về việc nuôi con chung:

Giao cháu Võ Thị Mai H, sinh ngày 18/02/2004; Võ Đại Minh T, sinh ngày 14/01/2015 cho chị Ngô Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Giao cháu Võ Thị Hương M, sinh ngày 09/9/2005, Võ Đại Minh T, sinh ngày 10/11/2008 cho anh Võ Đại Tây P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Ngô Thị Loan, anh Võ Đại Tây P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L, anh P có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/009442 ngày 21/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sang